



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P. Thạch Bàn, Q. Long Biên, Hà Nội. --- MST: 0101827452

TEL: 0913.315.004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

THỰC ĐƠN TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN B THÁNG 11 NĂM 2024 -2025

Suất ăn 32.000 đã bao gồm VAT

Canh rau có thể thay đổi tùy tình hình thực tế

THỰC ĐƠN HỌC SINH (Tuần từ 11/11 - 15/11)						
	Bữa ăn	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
1	Món cơm	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng
2	Món chính	Thịt kho tàu	Bò hầm củ quả	Cá rán giòn	Thịt xay rang hành	Gà KFC
3	Món phụ	Trứng trung	Thịt đậu sốt cà chua	Giò rim	Chả cá rim	Khoai tây chiên bơ
4	Món rau	Giá xào cà rốt	Su su cà rốt xào	Bắp cải cà rốt xào	Cải ngọt xào	Canh thịt nấu đậu non
5	Món canh	Canh thịt nấu rau cải	Canh xương bí xanh	Canh thịt nấu bí đỏ	Canh thịt nấu bắp cải	
6	Bữa phụ	Sữa Kun cam	Bánh tươi nhân cốt	Sữa Tươi	Bánh Chocopie	Sữa Yakun



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Mai Thị Vân Anh



Được quét bằng CamScanner



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THỰC PHẨM SAO VIỆT

Địa chỉ: Tổ 6 P. Thạch Bàn, Q. Long Biên, Hà Nội --- MST: 0101827452

TEL: 0913.315.004 - 0466.828.728 - Email: thucphamsaoviet@gmail.com

SUẤT ĂN HỌC SINH BÁN TRÚ TIÊU HỌC THẠCH BÀN B NĂM HỌC 2024-2025

Suất ăn 32.000đ trên một học sinh đã bao gồm VAT

Tuần	2	Thứ 2	11-11-24	15-11-24
------	---	-------	----------	----------

Ghi chú : Định lượng chín chỉ có tính chất tham khảo. Rau và canh có thể thay đổi

Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Hai	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	28,327	3,200	31,527
	Thịt kho tàu	Thịt lợn	0.065	135,000	8,775	0.052	169	CNV	2,295			
		Đường vàng	0.002	40,000	80	0.0018	6.8	KH	500			
		Nước cốt dừa	0.002	40,000	80	0.0018	6.8	Bảo hiểm	50			
	Trứng trứng	Trứng gà	0.5	3,600	1,800	0.2	450	Lãi	1,295			
	Giá xào cà rốt	Giá đỗ	0.05	25,000	1,250	0.02	45	Nước tẩy/rửa	50			
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.0035	1.9	xe giao hàng	247			
	Canh thịt nấu rau cải	Thịt lợn xay	0.002	135,000	270	0.0016	1.12					
		Cải canh	0.025	25,000	625	0.02	4.5					
		Gừng củ	0.0005	50,000	25	0.0004	0.085					
		Hành lá	0.001	50,000	50							
	Sữa Kun cam	Sữa Kun cam	1	5,000	5,000	0.11	121					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300	0.02	180					
		Gia vị			1,000							
Tổng thứ Hai					22,690		1,206	5,637				
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Ba	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	27,702	3,200	30,902
	Bò hầm củ quả	Thịt bò	0.027	200,000	5,400	0.0216	64.26	CNV	2,295			
		Khoai tây	0.03	25,000	750	0.027	270	KH	500			
		Cà rốt	0.02	25,000	500	0.001	18	Bảo hiểm	50			
		Cari bơ	0.001	100,000	100	0.0008	47	Lãi	1,295			
		Bột năng	0.001	50,000	50	0.0009	5.2	Nước tẩy/rửa	50			
	Thịt đậu sốt cà chua	Thịt lợn	0.005	135,000	675	0.004	17.4	xe giao hàng	247			
		Đậu phụ	0.055	30,000	1,650	0.044	19.8					
		Cà chua	0.008	30,000	240							
	Su su cà rốt xào	Su su	0.055	25,000	1,375							
		Cà rốt	0.005	25,000	125							
	Canh xương bí xanh	Xương lợn	0.005	70,000	350							
		Bí xanh	0.03	25,000	750							
		Gừng củ	0.0005	50,000	25							
		Đường vàng	0.001	40,000	40							
		Dấm	0.001	50,000	50							
		Hành lá	0.001	50,000	50							
	Bánh tưng nhân cốm	Bánh nhân cốm	1	5,000	5,000	0.085	85					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.025	65,000	1,625	0.025	225					
		Gia vị			1,000							
Tổng thứ Ba					22,065		971.160	5,637				
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền

Thứ Tư	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	29,067	3,200	32,267
	Cá rán giòn	Cá rôphi file	0.055	115,000	6,325	0.0495	0.088	CNV	2,295			
		Bột chiên giòn	0.01	55,000	550	0.007	1.8	KH	500			
	Giò rim	Giò lợn	0.02	135,000	2,700	0.014	7.2	Bảo hiểm	50			
	Bắp cải cà rốt xào	Bắp cải	0.055	25,000	1,375	0.033	138.05	Lãi	1,295			
		Cà rốt	0.005	25,000	125	0.0035	0.9	Nước tẩy/rửa	50			
	Canh thịt nấu bí đỏ	Thịt xay	0.002	135,000	270	0.0018	5.4	xe giao hàng	247			
		Bí đỏ	0.03	25,000	750	0.024	5.1					
		Rau mùi tàu	0.005	50,000	250							
	Sữa Tươi	Sữa Tươi	1	5,500	5,500	0.11	121					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.035	65,000	2,275	0.035	315					
	Gia vị			1,000		100						
Tổng thứ Tư				23,430		914.538		5,637				
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Năm	Cơm trắng	Cơm trắng	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	28,192	3,200	31,392
	Thịt xay rang hành	Thịt lợn	0.065	135,000	8,775	0.0585	175.5	CNV	2,295			
	Chả cá rim	Chả cá	0.02	100,000	2,000	0.016	60	KH	500			
	Cải ngọt xào	Rau cải ngọt	0.06	25,000	1,500	0.048	11.4	Bảo hiểm	50			
	Canh thịt nấu bắp cải	Thịt lợn xay	0.002	135,000	270	0.0016	1	Lãi	1,295			
		Bắp cải	0.02	25,000	500	0.016	18.6	Nước tẩy/rửa	50			
		Cà chua	0.005	30,000	150	0.004	1.8	xe giao hàng	247			
		Hành lá	0.001	50,000	50	0.0008						
	Bánh Chocopie	Bánh Chocopie	1	5,000	5,000	0.08	100					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.02	65,000	1,300	0.02	180					
		Gia vị			700							
Tổng thứ Năm				22,555		788.675		5,637				
Thứ	Tên món	Thực phẩm	DL Sổng	Đơn Giá	Thành Tiền	DL chín	Kilo	Phụ Phí	Giá Trị	T Thuế	VAT	Tổng Tiền
Thứ Sáu	Cơm trắng	Gạo tẻ thơm	0.11	21,000	2,310	0.22	220	Khí đốt	1,200	30,722	3,200	33,922
	Gà KFC	Thịt gà CN	0.115	87,000	10,005	0.092	273.7	CNV	2,295			
		Bột chiên giòn	0.012	55,000	660	0.0108	40.8	KH	500			
		Bột quych	0.003	200,000	600	0.0027	8.1	Bảo hiểm	50			
								Lãi	1,295			
	Khoai tây chiên bơ	Khoai tây	0.06	25,000	1,500	0.042	24.78	Nước tẩy/rửa	50			
		Bột chiên khoai	0.003	100,000	300	0.0021	1.05	xe giao hàng	247			
	Canh thịt nấu đậu non	Thịt lợn xay	0.002	135,000	270							
		Cà chua	0.005	30,000	150							
		Hành lá	0.001	30,000	30							
		Đậu non	0.022	30,000	660							
	Sữa Yakun	Sữa Yakun	1	5,000	5,000	0.11	121					
	Gia vị nấu	Dầu ăn	0.04	65,000	2,600	0.04	360					
		Gia vị			1,000		100					
Tổng thứ Sáu				25,985		1149.43		5,637				

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Đài Thị Vân